

Số: 24.2/TT-HĐQT

TPHCM, ngày 06 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư & Xây dựng cấp thoát nước (WASECO);

- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần Đầu tư & Xây dựng cấp thoát nước được Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía Nam (AASCS) kiểm toán ký ngày 23 tháng 03 năm 2021;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020, như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chi tiêu	BCTC riêng	BCTC hợp nhất
I	Bảng Cân đối kế toán		
1	Tổng Tài sản	538.280.225.445	657.156.655.204
1.1	Tài sản ngắn hạn	258.758.431.091	270.411.752.757
1.2	Tài sản dài hạn	279.521.794.354	386.744.902.447
2	Tổng nguồn vốn	538.280.225.445	657.156.655.204
2.1	Nợ phải trả	311.755.781.762	451.754.343.948
2.2	Vốn Chủ sở hữu	226.524.443.683	205.402.311.256
	<i>Trong đó: LNST chưa phân phối</i>	50.451.319.699	19.417.997.350
	<i>+ LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	41.761.368.727	
	<i>+ LNST chưa phân phối năm nay</i>	8.689.950.972	19.417.997.350
II	Báo cáo kết quả SXKD		
1	Tổng doanh thu	259.251.661.348	289.433.027.748
2	Lợi nhuận sau thuế	8.689.950.972	19.127.237.210
	Trong đó:		
	- LNST của Công ty Mẹ	8.689.950.972	19.417.997.350
	- LNST của cổ đông không kiểm soát		(290.760.141)

Kèm theo: i) Báo cáo kiểm toán BCTC riêng và hợp nhất của Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía nam (AASCS); ii) Bảng cân đối kế toán riêng và hợp nhất; iii) Báo cáo kết quả kinh doanh riêng và hợp nhất; iv) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất;

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHẾ TỊCH



NGUYỄN ĐỨC BÔN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước (WASECO) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 299/QĐ-BXD ngày 03 tháng 03 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Đầu tư Xây dựng Cấp Thoát Nước thuộc Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng Cấp Thoát Nước và Môi Trường Việt Nam thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103009943 ngày 09 tháng 04 năm 2008; Đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 17 tháng 08 năm 2015 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải rắn và vệ sinh môi trường. Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp. Đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và kinh doanh dịch vụ công nghiệp, khu dân cư, bãi đỗ xe (không lập bến bãi trái phép), kho bãi công nghiệp. Thi công, tổng thầu thi công xây dựng, lắp đặt các công trình cấp thoát nước, xử lý nước thải và vệ sinh môi trường; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị; Gia công lắp đặt kết cấu thép và các thiết bị cơ điện kỹ thuật công trình. Tư vấn đầu tư xây dựng; Khảo sát địa hình, địa chất xây dựng công trình; Thiết kế xây dựng công trình cấp thoát nước, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công trình dân dụng – công nghiệp.

Tư vấn lập và thẩm tra các dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn đấu thầu. Lập tổng dự toán và dự toán các công trình; Thẩm tra thiết kế và tổng dự toán; Kinh doanh bất động sản. Sản xuất, mua bán nước sạch. Sản xuất, mua bán vật tư, vật liệu xây dựng, máy móc – thiết bị - phụ tùng phục vụ ngành xây dựng chuyên ngành cấp thoát nước và môi trường (không sản xuất tại trụ sở công ty). Khoan thăm dò, khoan khai thác nước ngầm. Nuôi trồng thủy - hải sản, cây công nghiệp; Khai thác, chế biến và mua bán các sản phẩm từ thủy hải sản và cây công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở công ty). Nghiên cứu khoa học và ứng dụng chuyển giao công nghệ ngành cấp thoát nước. Đào tạo nghề. Giám sát thi công xây dựng công trình cấp – thoát nước, dân dụng và công nghiệp: xây dựng và hoàn thiện.

Sản xuất điện. Chi tiết: sản xuất điện gió, điện mặt trời và điện khác (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và xây dựng, vận hành thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân). Truyền tải và phân phối điện. Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại. Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại...

Vốn điều lệ của Công ty là: 132.000.000.000 đ (Một trăm ba mươi hai tỷ đồng)

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông Nguyễn Đức Bôn	Chủ tịch HĐQT
Ông Vũ Đoàn Chung	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Duy Hùng	Thành viên
Ông Lê Văn Nghĩa	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Lộc	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Nguyễn Duy Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tứ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Xuân Lăng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Q. Tân Bình, TP.HCM

Các thành viên Ban kiểm soát bao gồm:

Bà Bùi Khánh Linh	Trưởng ban kiểm soát
Ông Huỳnh Bá Đức	Thành viên
Ông Phạm Phước Thịnh	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

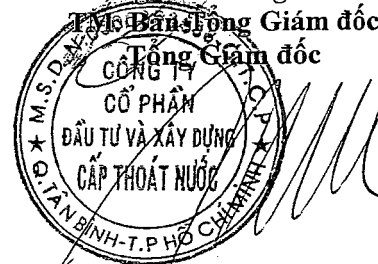
Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan

TP.HCM, ngày 12 tháng 03 năm 2021



Nguyễn Duy Hùng

Số: 157./BCKT/TC/2021/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP*(Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước)***Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của****Công ty Cổ Phần Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước (WASECO)**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước được lập ngày 12 tháng 03 năm 2021 từ trang 07 đến trang 48, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

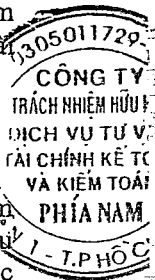
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

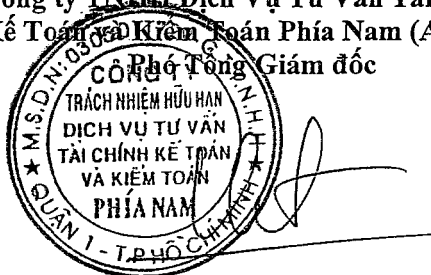
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021
Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)



Lê Đình Ái

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3770-2018-142-1

Kiểm toán viên

Đàm Minh Thúy

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1547-2018-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		270.411.752.757	282.049.856.434
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	51.841.712.958	30.610.837.651
1. Tiền	111		43.841.712.958	15.610.837.651
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	15.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		222.000.000	222.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	VI.2a	222.000.000	222.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		183.230.561.152	234.420.854.109
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3	174.200.015.012	225.896.783.063
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	VI.4	9.528.957.463	10.213.342.574
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.5	8.016.525.050	7.131.528.292
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	VI.6	(8.514.936.373)	(8.820.799.820)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		29.001.657.755	10.619.126.806
1. Hàng tồn kho	141	VI.7	29.377.942.167	10.995.411.218
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(376.284.412)	(376.284.412)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.115.820.892	6.177.037.868
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.12a	3.349.486.999	4.055.418.338
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.862.408.495	2.121.619.535
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	VI.16	903.925.398	
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		386.744.902.447	394.640.557.321
I- Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		190.381.528.484	188.005.384.244
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	169.721.898.477	166.798.053.753
- Nguyên giá	222		236.920.717.305	219.898.510.849
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(67.198.818.828)	(53.100.457.096)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	20.659.630.007	21.207.330.491
- Nguyên giá	228		23.567.332.000	23.567.332.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.907.701.993)	(2.360.001.509)
III. Bất động sản đầu tư	230	VI.11	141.761.440.076	148.487.475.368
- Nguyên giá	231		206.497.093.439	206.497.093.439
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(64.735.653.363)	(58.009.618.071)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	VI.8	32.624.577.019	39.202.944.412
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		32.624.577.019	39.202.944.412
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	VI.2b	18.986.305.998	15.267.643.111
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		15.718.662.887	12.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.487.946.475	4.487.946.475
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1.220.303.364)	(1.220.303.364)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.991.050.870	3.677.110.186
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		188.053.330	439.053.330
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	VI.22a	755.929.637	800.580.953
5. Lợi thế thương mại	269	VI.12b	2.047.067.903	2.437.475.903
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		657.156.655.204	676.690.413.755

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		451.754.343.948	467.818.339.708
I. Nợ ngắn hạn	310		211.820.301.383	225.708.050.770
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.14	136.665.102.067	140.016.343.906
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	VI.15	18.927.506.922	887.353.856
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.16	2.642.058.146	6.864.025.849
4. Phải trả người lao động	314	VI.17	2.280.763.571	3.571.876.558
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.18	10.941.340.934	25.765.764.193
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.19a	23.667.996.573	35.838.823.378
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.13a	11.448.545.283	10.686.368.099
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	VI.21	3.861.660.696	
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	VI.23	1.385.327.191	2.077.494.931
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		239.934.042.565	242.110.288.938
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	VI.20	5.381.813.301	5.500.067.845
7. Phải trả dài hạn khác	337	VI.19b	26.275.729.119	26.405.237.866
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VI.13b	203.843.454.420	210.204.983.227
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	VI.22b	4.433.045.725	
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		205.402.311.256	208.872.074.047
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.24a	205.388.403.008	208.858.165.799
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		132.000.000.000	132.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		132.000.000.000	132.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.639.328.147	9.639.328.147
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.952.000.000	3.952.000.000
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(30.000)	(30.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	VI.24e	34.419.917.589	33.307.278.010
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.417.997.350	23.709.639.579
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		19.417.997.350	23.709.639.579
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		5.959.189.922	6.249.950.063
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		13.908.248	13.908.248
1. Nguồn kinh phí	431		13.908.248	13.908.248
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		657.156.655.204	676.690.413.755

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Mận

Nguyễn Thị Mận

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Quốc Tuấn

Nguyễn Quốc Tuấn

Lập, ngày 12 tháng 3 năm 2021



Nguyễn Duy Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	VII.1	289.433.027.748	443.451.953.625
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		289.433.027.748	443.451.953.625
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	220.818.821.349	379.004.268.108
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		68.614.206.399	64.447.685.517
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	2.380.931.247	1.047.426.649
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	21.940.609.469	20.051.808.454
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		21.940.608.538	19.816.014.812
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(4.281.337.113)	
9. Chi phí bán hàng	25	VII.7a	497.603.874	656.419.111
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.7b	18.526.824.968	19.027.701.925
11. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30		25.748.762.222	25.759.182.676
12. Thu nhập khác	31	VII.5	249.465.465	5.039.558.058
13. Chi phí khác	32	VII.6	76.465.830	507.398.434
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		172.999.635	4.532.159.624
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		25.921.761.857	30.291.342.300
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VII.9	2.316.827.606	7.467.251.934
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		4.477.697.042	(179.965.069)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		19.127.237.210	23.004.055.435
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		19.417.997.350	23.709.639.579
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(290.760.141)	(705.584.144)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VII.11	1.471	1.584
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

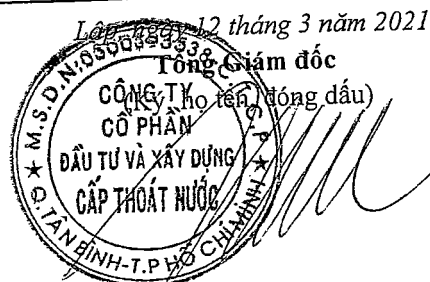
Nguyễn Thị Mận

Nguyễn Thị Mận

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Quốc Tuấn

Nguyễn Quốc Tuấn



Nguyễn Duy Hùng

Nguyễn Duy Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

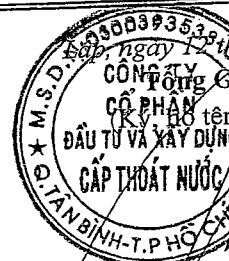
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		386.845.914.413	391.232.885.449
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(203.123.884.141)	(202.131.603.275)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(16.740.693.316)	(17.129.294.009)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(22.158.502.271)	(20.665.172.734)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(6.900.737.628)	(7.321.056.841)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		12.567.184.116	27.735.173.470
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(95.963.728.495)	(171.429.039.021)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		54.525.552.678	291.893.039
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.251.141.970)	(43.233.801.303)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		209.000.000	1.112.266.602
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(12.000.000.000)	(222.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		12.000.000.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(8.000.000.000)	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.745.661.790	975.439.661
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.296.480.180)	(41.368.095.040)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
3. Tiền thu từ đi vay	33		59.569.825.295	231.781.231.624
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(65.169.176.918)	(197.363.068.434)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(19.401.681.725)	(20.336.059.050)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(25.001.033.348)	14.082.104.140
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		21.228.039.150	(26.994.097.861)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		30.610.837.651	57.604.920.996
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.836.157	14.516
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	VI.1	51.841.712.958	30.610.837.651

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Mận

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Quốc Tuấn



Nguyễn Duy Hùng